

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRÀ CÚ
TỈNH TRÀ VINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 32/2024/HNGĐ-ST

Ngày 10-5-2024

“V/v Tranh chấp nam, nữ chung
sống với nhau như vợ chồng mà
không đăng ký kết hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRÀ CÚ, TỈNH TRÀ VINH

Thành phần tiến hành xét xử sơ thẩm theo thủ tục rút gọn gồm:

- Thẩm phán: Ông **Trần Văn T**;

- Thư ký phiên tòa: Bà Ngô Đào Trang, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trà Cú, tỉnh Trà Vinh.

Ngày 10 tháng 5 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trà Cú, tỉnh Trà Vinh mở phiên tòa xét xử công khai sơ thẩm vụ án dân sự theo thủ tục rút gọn thụ lý số: 120/2024/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 5 năm 2024 về việc “Tranh chấp về nam, nữ chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn”.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 43/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 02 tháng 5 năm 2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị **Nguyễn Thị C**, sinh năm 1982 (có đơn xin xét xử vắng mặt).

- Bị đơn: Anh **Nguyễn Văn M**, sinh năm 1977 (có đơn xin xét xử vắng mặt).

Cùng địa chỉ: **ấp V, xã N, huyện T, tỉnh Trà Vinh.**

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và bản tự khai ngày 02/5/2024 của nguyên đơn chị **Nguyễn Thị C** trình bày: Vào năm 2000, do quen biết nên chị và anh **Nguyễn Văn M** tự nguyện xác lập quan hệ hôn nhân với nhau nhưng không có đăng ký kết hôn theo đúng quy định của pháp luật. Sau ngày cưới về sống bên chồng tại **ấp V, xã N, huyện T, tỉnh Trà Vinh.** Vợ chồng sống hạnh phúc, luôn quan tâm, chăm sóc lẫn nhau. Đến năm 2020 thì giữa hai bên phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, tính tình không hợp, hay cự cãi, hai bên có cố gắng hàn gắn nhưng không được. Đến nay nhận thấy giữa hai bên đã ly thân, không hàn gắn được, không còn quan tâm, chăm sóc nhau, tình cảm không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị yêu cầu Tòa án không công nhận chị với anh **Nguyễn Văn M** là vợ chồng.

Về con chung: tên Nguyễn Thành S, sinh ngày 17/6/2002 đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 02/5/2024 bị đơn anh Nguyễn Văn M trình bày: Do quen biết nên anh và chị Nguyễn Thị C1 tự nguyện tiến tới hôn nhân nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Nay nhận thấy giữa vợ chồng không thể hàn gắn được nên anh đồng ý với yêu cầu của chị C yêu cầu Tòa án không công nhận là vợ chồng.

Về con chung: tên Nguyễn Thành S, sinh ngày 17/6/2002 đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Thẩm phán nhận định:

[1] Về tố tụng: Tòa án nhân dân huyện Trà Cú, tỉnh Trà Vinh thụ lý vụ án theo thủ tục rút gọn, nên đã đưa vụ án ra xét xử đúng hạn luật định. Do nguyên đơn chị Nguyễn Thị C và bị đơn anh Nguyễn Văn M đều có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đối với các đương sự theo quy định tại Điều 318, 320 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị C và anh Nguyễn Văn M tự nguyện xác lập quan hệ hôn nhân với nhau vào năm 2000 nhưng không có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Cuộc sống chung của vợ chồng thời gian đầu rất hạnh phúc đến năm 2020 thì giữa các bên bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, không quan tâm, chăm sóc nhau, có tạo điều kiện hàn gắn nhưng không thành, việc này cả hai bên đều thừa nhận nên các đương sự yêu cầu Tòa án giải quyết không công nhận anh, chị là vợ chồng. Căn cứ khoản 1, Điều 14; Điều 15; Điều 16; khoản 2, Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 và khoản 4, Điều 3 của Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06 tháng 01 năm 2016 hướng dẫn thi hành một số quy định của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định “*Trường hợp nam nữ chung sống với nhau như vợ chồng mà không có đăng ký kết hôn và có yêu cầu ly hôn thì Tòa án thụ lý giải quyết và tuyên bố không công nhận quan hệ hôn nhân giữa họ*”. Đối chiếu với trường hợp của chị C và anh M sống chung với nhau như vợ chồng từ năm 2000 cho đến nay mà không có đăng ký kết hôn, nay có yêu cầu ly hôn, Tòa án không công nhận chị Nguyễn Thị C và anh Nguyễn Văn M là vợ chồng.

[3] Về con chung: tên Nguyễn Thành S, sinh ngày 17/6/2002 đã trưởng thành không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Chị Nguyễn Thị C và anh Nguyễn Văn M xác định vợ chồng không có nên không xem xét.

[5] Về án phí: Chị Nguyễn Thị C là nguyên đơn trong vụ án ly hôn nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch theo quy định tại khoản 4, Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và khoản 2, Điều 6 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

- Khoản 7, Điều 28; điểm a, khoản 1, Điều 35; Điều 36; điểm a, khoản 1, Điều 39; khoản 4, Điều 147 và các Điều 228; 238; 320; 321; 322 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Khoản 1, Điều 14; Điều 15; Điều 16; khoản 2, Điều 53; Điều 57; Điều 58 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Khoản 2, Điều 6 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Không công nhận chị Nguyễn Thị C và anh Nguyễn Văn M là vợ chồng.
2. Về con chung: tên Nguyễn Thành S, sinh ngày 17/6/2002 đã trưởng thành không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.
3. Về tài sản chung, nợ chung: Chị Nguyễn Thị C và anh Nguyễn Văn M xác định không có nên không xem xét.
4. Về án phí: Chị Nguyễn Thị C phải chịu 150.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà chị Nguyễn Thị C đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0001645 ngày 02/5/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trà Cú, tỉnh Trà Vinh. Chị Nguyễn Thị C được nhận lại số tiền 150.000 đồng.
5. Quyền kháng cáo: Đương sự được quyền kháng cáo Bản án trong hạn 07 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với đương sự không có mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo 07 ngày tính từ ngày Bản án được giao hoặc Bản án được niêm yết.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành

án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Trà Vinh;
- VKSND huyện Trà Cú;
- Chi cục THADS huyện Trà Cú;
- UBND xã;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Văn Tấn